

## MỤC LỤC

MỞ ĐẦU .....	1
<b>CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ DI SẢN THỪA KẾ.....</b>	<b>6</b>
1. Khái niệm di sản: .....	6
1.1 Khái niệm về di sản thừa kế .....	7
1.1.1 Di sản thừa kế qua các hình thái kinh tế xã hội .....	7
1.1.2 Sự phát triển của di sản thừa kế ở Việt Nam qua các thời kỳ .....	8
1.2 Một số quan điểm về di sản thừa kế .....	11
1.3 Một số đặc trưng của di sản thừa kế: .....	19
1.4 Ý nghĩa những quy định trong pháp luật về di sản thừa kế: .....	20
<b>CHƯƠNG 2: XÁC ĐỊNH DI SẢN THỪA KẾ THEO PHÁP LUẬT</b>	
<b>VIỆT NAM HIỆN NAY .....</b>	<b>24</b>
2.1 Nguyên tắc chung trong việc xác định di sản thừa kế .....	24
2.1.1 Nguyên tắc xác định di sản thừa kế trên cơ sở quy định của pháp luật dân sự trong mối quan hệ với các ngành luật khác. ....	24
2.1.2 Nguyên tắc xác định di sản thừa kế vào thời điểm mở thừa kế .....	25
2.1.3 Nguyên tắc thanh toán di sản .....	27
2.2 Xác định di sản thừa kế .....	27
2.2.1 Di sản là tài sản riêng của người chết.....	27
2.2.2 Di sản là phần tài sản của người chết trong khối tài sản chung với người khác. ....	30
2.2.3 Di sản thừa kế là các quyền tài sản của người chết để lại .....	33
2.3 Di sản dùng vào việc thờ cúng và di tặng .....	34
2.3.1 Di sản dùng vào việc thờ cúng.....	34
2.3.2 Phần di sản dành cho di tặng.....	36
2.4 Xác định thừa kế trong một số trường hợp cụ thể .....	39
2.4.1 Xác định di sản thừa kế là quyền sử dụng đất.....	39
2.4.2 Xác định di sản thừa kế là quyền sở hữu trí tuệ:.....	41

2.4.3 Xác định di sản thừa kế đối với trường hợp có quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án tuyên bố vợ, chồng đã chết mà nay họ trở về....	44
2.4.4 Xác định di sản thừa kế liên quan đến phần tài sản mà người chết đã tặng cho người khác khi còn sống.....	44
2.4.5 Xác định di sản thừa kế trong trường hợp một người bị Tòa án tuyên bố là đã chết.....	45

### **CHƯƠNG 3: PHÂN CHIA DI SẢN THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

<b>HIỆN NAY.....</b>	<b>47</b>
3.1 Hợp mặt những người thừa kế: .....	47
3.2 Người phân chia di sản.....	49
3.3 Thanh toán di sản.....	50
3.4 Phân chia di sản.....	57
3.4.1 Phân chia di sản theo di chúc .....	57
3.4.2 Phân chia di sản theo pháp luật.....	59
3.5 phương thức phân chia di sản thừa kế .....	61
3.5.2 Phương thức phân chia theo giá trị.....	62
3.6 Hạn chế phân chia di sản .....	63
3.7 Phân chia di sản trong trường hợp có người thừa kế mới hoặc có người thừa kế bị bác bỏ quyền thừa kế.....	64
3.7.1 Phân chia di sản trong trường hợp có người thừa kế mới .....	65
3.7.2 Phân chia di sản trong trường hợp có người thừa kế bị bác bỏ quyền thừa kế.....	66
<b>KẾT LUẬN:.....</b>	<b>68</b>

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

### **1 Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài:**

Thừa kế và di sản thừa kế là vấn đề mang tính kinh tế, mang tính xã hội truyền thống nhưng cũng là vấn đề phức tạp về mặt pháp lý. Có thể nói, di sản thừa kế là yếu tố quan trọng hàng đầu trong việc làm phát sinh và thực hiện quan hệ dân sự về thừa kế. Đích cuối cùng của tranh chấp thừa kế chính là xác định đúng khối tài sản thừa kế và phân chia di sản thừa kế theo đúng kỹ phần mà người thừa kế có quyền được hưởng, việc xác định đúng di sản thừa kế có ý nghĩa rất quan trọng trong việc giải quyết các án kiện về thừa kế. Trong những năm gần đây, việc xác định di sản thừa kế- yếu tố quan trọng hàng đầu đối với việc giải quyết các án kiện về thừa kế còn nhiều khó khăn cả về mặt lý luận và trong thực tiễn áp dụng. Trong bối cảnh hội nhập, với thực trạng của nền kinh tế thị trường và xây dựng Nhà nước pháp quyền ở nước ta hiện nay thì vấn đề tài sản thuộc quyền sở hữu của cá nhân ngày càng trở nên phức tạp và đa dạng. Vì vậy, vấn đề di sản thừa kế và xác định di sản thừa kế cũng đặt ra nhiều hơn những vấn đề lý luận và thực tiễn cần giải quyết.

Các tranh chấp về thừa kế có xu hướng ngày càng tăng trong thực tế với tính chất ngày càng phức tạp. Sự áp dụng pháp luật không thống nhất giữa các cấp tòa án, sự hiểu biết pháp luật còn hạn chế của các cá nhân là những yếu tố làm cho tranh chấp về thừa kế, đặc biệt là các tranh chấp liên quan đến việc xác định di sản thừa kế và cách phân chia di sản thừa kế ngày một tăng, làm cho các vụ kiện tranh chấp về bị kéo dài, không dứt điểm. Hơn nữa, khi cơ chế thị trường được mở ra, con người có điều kiện lao động tốt hơn vì vậy mà khối tài sản họ làm ra trước khi chết là rất lớn, đồng nghĩa với đó là quyền lợi của những người được thừa kế khối tài sản đó cũng bị ảnh hưởng rất nhiều nếu như không xác định đúng di sản thừa kế, ngay cả khi xác định đúng di sản thừa kế mà cách phân chia di sản sai

thì cũng ảnh hưởng rất nhiều đến quyền lợi của người được hưởng thừa kế. Xác định di sản thừa kế và cách phân chia di sản thừa kế là hai mặt của một vấn đề, nó không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận mà thực tiễn cũng rất quan trọng. Tuy vậy, nếu không hiểu rõ những quy định của pháp luật về xác định di sản thừa kế và cách phân chia di sản để nhận thức được quyền định đoạt tài sản của người để lại di sản cũng như cách phân chia di sản, thì việc để lại thừa kế lại là nguyên nhân làm bùng phát tranh chấp giữa những người thừa kế của họ về sau này. Việc định đoạt tài sản của người để lại thừa kế không đúng phạm vi luật định có thể còn làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của một số người khác dẫn đến những tranh chấp như đã và đang xảy ra trong thực tế là một trong những nguyên nhân làm tổn hại đến truyền thống đạo đức đã có từ lâu đời của dân tộc.

Xuất phát từ những lý do trên, tác giả đã chọn đề tài: "*Xác định và phân chia di sản thừa kế theo pháp luật Việt Nam hiện nay*" là một đề tài có ý nghĩa quan trọng cấp bách cả về phương diện lý luận cũng như thực tiễn.

## **2 Tình hình nghiên cứu đề tài:**

Hiện nay, các đề tài nghiên cứu về thừa kế tương đối nhiều và ở các cấp độ khác nhau như các khoá luận cử nhân, luận văn cao học và các luận án tiến sĩ. Ngoài ra, còn một số bài viết trong các tạp chí Luật học của Trường Đại học Luật Hà Nội, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật của Bộ Tư Pháp, Tạp chí Tòa án Nhân dân .

## **2 Nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu của đề tài:**

Luận văn không nghiên cứu thừa kế nói chung mà chỉ tập trung làm rõ nội dung của việc xác định di sản thừa kế, cách phân chia di sản trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề chính như: Điều kiện để tài sản trở thành di sản thừa kế, quyền định đoạt và những hạn chế đối với quyền định đoạt của người lập di chúc, phương thức xác định nghĩa vụ cho từng người thừa kế, phương thức phân chia di sản theo di chúc.

#### **4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

Xuất phát từ các nguyên lý của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu như phân tích, so sánh, tổng hợp, qui nạp để làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của các qui định chung về thừa kế

#### **5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của việc nghiên cứu đề tài**

Kết quả nghiên cứu sẽ đóng góp vào việc bổ sung và hoàn thiện những vấn đề lý luận của các qui định chung về thừa kế, tạo cơ sở cho việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chế định về thừa kế trong Bộ Luật Dân sự. Qua việc xây dựng các khái niệm khoa học và phân tích nội dung các qui định chung về thừa kế, giúp cho việc nghiên cứu giảng dạy pháp luật về thừa kế của Nhà nước ta tốt hơn. Mặt khác, luận văn làm tài liệu tham khảo cho cơ quan xây dựng và áp dụng pháp luật

# CHƯƠNG 1

## NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ DI SẢN THỪA KẾ

### 1. Khái niệm di sản:

Theo từ điển Tiếng Việt, Di sản là một từ Hán Việt được ghép bởi hai từ “Di” và từ “Sản”, theo đó mỗi từ có những khía cạnh hiểu khác nhau. Đối với từ “Di” có thể có những cách hiểu sau:

- “Di” là biểu hiện của sự chuyển động ra khỏi vị trí nhất định thông qua sự tác động nào đó lên một vật để lại dấu vết nhất định.

- “Di” cũng được hiểu là dời đi nơi khác, đi chỗ khác, không còn ở vị trí ban đầu, nó là một biểu hiện của sự chuyển động từ vị trí này đến vị trí khác trong không gian và thời gian.

- Ngoài ra “Di” còn được hiểu là sự truyền lại, lưu lại để lại cho người sau, thế hệ sau.

Đối với từ “Sản” cũng có thể hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau:

- Sinh ra, làm ra, tạo ra sản phẩm để sinh sống.

- Cái do con người tạo ra, là kết quả tự nhiên của quá trình lao động sản xuất.

- Là từ dùng để chỉ gia tài, sản nghiệp mang tính tổng thể của những tài sản trong một khối.

Từ những phân tích trên đây có thể đưa ra khái niệm “di sản” như sau:

*Di sản là toàn bộ tài sản có giá trị vật chất hoặc giá trị tinh thần cùng với các nghĩa vụ về tài sản được lưu truyền nối tiếp từ thế hệ này sang thế hệ khác, từ đời này sang đời khác và được pháp luật bảo hộ.*

### 1.1 Khái niệm về di sản thừa kế

#### 1.1.1 Di sản thừa kế qua các hình thái kinh tế xã hội

Di sản thừa kế là một thuật ngữ luật học được sử dụng từ khá lâu, dưới thời kỳ chiếm hữu nô lệ, sản xuất nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo do đó đất đai là tài sản giá trị nhất, về sau do có sự ghi nhận của Nhà nước

về đặc quyền của giai cấp chủ nô, quan niệm tài sản gắn liền với sự chiếm hữu nô lệ, cùng với đất đai, thì con người cũng là tài sản, là hàng hóa được đem ra trao đổi, mua bán như một công cụ sản xuất. Chủ nô có quyền chiếm hữu toàn bộ tư liệu sản xuất và người nô lệ đồng nghĩa với điều này thì, đất đai, nô lệ và những vật dụng khác như trâu, bò, lợn, gà đều là di sản thừa kế mà chủ nô để lại cho con cháu của mình.

### **1.1.2 Sự phát triển của di sản thừa kế ở Việt Nam qua các thời kỳ**

Dưới chế độ phong kiến, nông dân chiếm đa số nhưng lại phụ thuộc vào một bộ phận nhỏ đó là tầng lớp địa chủ, thời kỳ này nền kinh tế chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp. Do sự bóc lột của giai cấp địa chủ đa số người nông dân phải đi làm thuê, do sưu cao thuế nặng mà dần dần nông dân mắc nợ, sản xuất không đủ nuôi sống các thành viên trong gia đình. Để duy trì cuộc sống của các thành viên trong gia đình thì chủ hộ phải đứng ra vay mượn, cầm cố. Khi người này chết, các thành viên trong gia đình phải gánh khoản nợ của người này, những người thừa kế lần lượt phải trả nợ, nếu không đủ tài sản thì phải trả bằng sức lao động bằng cách đi làm thuê cho các chủ nợ, có nhiều trường hợp đi làm thuê hết đời vẫn chưa đủ để trả cho người đã chết. Vì vậy chuyên trả nợ nhiều khi mang tính truyền kiếp từ đời này sang đời khác. Dân luật trung kỳ 1936 có đoạn quy định: *Các con được hưởng di sản của cha mẹ thì phải liên đới trả cho hết các khoản nợ của cha mẹ. Người chánh thất, quả phụ hoặc người đích tôn thừa tự cũng thế. Những khoản nợ của người thứ nhất mệnh một để lại mà người ấy vì sự làm ích lợi cho gia đình, hay buôn bán phải vay thời cả người chồng, vợ cũng phải trả như vậy. Còn những người thừa kế khác thì chỉ phải trả các khoản nợ gánh vác các trách nhiệm của người mệnh một ngang với phần di sản mà mình được hưởng là cùng trừ khi nào từ chối di sản thì không phải gánh chịu.*

Cách mạng tháng tám thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời đã xóa toàn bộ tàn dư của chế độ phong kiến từ hệ thống chính trị đến phương thức sản xuất, đồng thời xây dựng một chế độ dân chủ mới tiến bộ hơn- Chế độ dân chủ nhân dân. Là một chính phủ mới, phải đối mặt muôn vàn khó khăn từ giặc đói, giặc dốt, đến giặc ngoại xâm. Tuy nhiên là một chính phủ mới tiến bộ nên mọi mặt của đời sống nhân dân đều được quan tâm, theo đó ngày 22/05/1950 Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh số 97SL sửa đổi một số quy định trong dân luật cũ. Sắc lệnh đã cụ thể hóa quyền bình đẳng của công dân trong quan hệ tài sản, trong đó có vấn đề thừa kế. Điều 10 Sắc lệnh quy định: *“Con cháu, hoặc vợ chồng của người chết không bắt buộc phải nhận thừa kế của người ấy. Khi nhận thừa kế các chủ nợ của người chết cũng không có quyền đòi nợ quá số di sản để lại”*. Đây là quy định mang tính tiến bộ đột phá, xóa bỏ những tàn dư của chế độ phong kiến về những món nợ “truyền kiếp”. Những quy định trong sắc lệnh này đặt nền móng cho sự hình thành và phát triển pháp luật dân sự nước ta, nó đã ghi nhận sự dân chủ và tiến bộ.

Khi Bộ luật dân sự 1995 và Bộ luật dân sự 2005 ra đời cũng là lúc đất nước ta thoát khỏi nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp với quan điểm tiến bộ phù hợp với quy luật chung của nền kinh tế, các quy định của pháp luật, trong đó có các quy định về vấn đề thừa kế đã đáp ứng được về mặt kỹ thuật lập pháp, các quy định cụ thể hơn, chặt chẽ hơn. Tại khoản 2 điều 637 Bộ luật dân sự 1995 đã bổ sung quy định mới mang tính bước ngoặt so với các văn bản quy định về di sản thừa kế trước đây, đó là việc quy định “ Quyền sử dụng đất cũng là di sản thừa kế”.

## **1.2 Một số quan điểm về di sản thừa kế**

Quan điểm thứ nhất cho rằng di sản thừa kế bao gồm tài sản và các nghĩa vụ tài sản của người chết để lại. Những các nhân theo quan điểm này cho rằng khi còn sống người để lại di sản thừa kế ngoài những tài sản mà



họ có thì họ còn những nghĩa vụ tài sản, những nghĩa vụ này phát sinh từ những quan hệ dân sự như nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng vay, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại trong quan hệ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng... Khi họ chết đi họ sẽ để lại những nghĩa vụ trên đây và những nghĩa vụ đó phải được dịch chuyển sang cho những người thừa kế thực hiện như vậy sẽ đảm bảo được quyền lợi cho người có quyền đối với các nghĩa vụ mà người chết phải thực hiện nếu họ còn sống, đồng thời cũng đảm bảo cho các quan hệ dân sự đã phát sinh được thực hiện đúng theo cam kết cũng như theo quy định của pháp luật. Quan điểm thứ hai cho rằng di sản thừa kế bao gồm tài sản và nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản của người chết để lại. Quan điểm này hiểu theo nghĩa rộng về tài sản bao gồm cả tài sản có và tài sản nợ, tài sản có và tài sản nợ ngang bằng nhau có nghĩa việc xác định di sản của người chết để lại thừa kế không chỉ là tài sản mà còn bao gồm cả cả nghĩa vụ cũng được xác định ngang bằng trong khối di sản mà họ để lại, thực hiện nghĩa vụ trong phạm vi di sản người chết để lại. Ở quan điểm này có chút khác biệt so với quan điểm thứ nhất vì người thừa kế chỉ phải thực hiện nghĩa vụ trong phạm vi di sản được hưởng mà không phải dùng tài sản riêng của mình để thực hiện các nghĩa vụ của người chết để lại. Tuy nhiên cả hai quan điểm này cho chúng ta thấy các tác giả vẫn có xu hướng xác định nghĩa vụ tài sản mà người chết để lại là di sản thừa kế.

Quan điểm thứ ba cho rằng di sản thừa kế chỉ bao gồm các tài sản của người chết để lại mà không bao gồm các nghĩa vụ tài sản. Theo quan điểm này thì khi còn người còn sống, họ cần đến tài sản để sản xuất và sinh sống, bên cạnh đó họ cũng có những nghĩa vụ đối với những chủ thể nhất định, những nghĩa vụ này có thể phát sinh từ giao dịch dân sự, từ hành vi gây thiệt hại ngoài hợp đồng, từ các quan hệ pháp luật khác chưa thể thực hiện thì chủ thể mang nghĩa vụ đó chết, toàn bộ tài sản và những nghĩa vụ tài sản đó để lại là điều dễ hiểu.

### **1.3 Một số đặc trưng của di sản thừa kế:**

- Di sản thừa kế không bao gồm nghĩa vụ tài sản của người chết để lại mà chỉ bao gồm tài sản, các quyền tài sản được xác lập dựa trên căn cứ hợp pháp mà người chết để lại cho những người hưởng thừa kế. Nhưng nói vậy không có nghĩa người hưởng thừa kế không chịu trách nhiệm gì về nghĩa vụ tài sản mà người chết để lại mà người hưởng thừa kế thực tế sẽ thực hiện nghĩa vụ tài sản đó chỉ trong phạm vi tài sản thừa kế người chết để lại mà thôi.

- Di sản do người chết để lại bao gồm cả nghĩa vụ mà người đó khi chết đi chưa thực hiện thì chỉ được thực hiện trong phạm vi di sản thừa kế của người đó để lại, vì đó là nghĩa vụ của bản thân người chết, không phải của người hưởng thừa kế từ di sản đó. Trong trường hợp nghĩa vụ tài sản phải thực hiện lớn hơn hoặc bằng khối di sản người chết để lại, nói cách khác, sau khi sử dụng hết tài sản để thực hiện nghĩa vụ tài sản của người chết, ta coi như người chết không để lại di sản thừa kế (không có di sản thừa kế).

-Những người hưởng thừa kế có quyền nhận hoặc từ chối nhận di sản của người chết để lại, qua đó sẽ không phải thực hiện nghĩa vụ tài sản của người chết để lại, trừ trường hợp người nhận thừa kế tự nguyện.

-Quan hệ thừa kế chỉ phát sinh khi người để lại di sản bị chết. Nói cách khác, di sản xuất hiện khi người chủ sở hữu di sản của nó chết. Cái chết ở đây không chỉ là cái chết về mặt sinh học mà còn có thể là cái chết về mặt pháp lý được quy định theo pháp luật.

-Người hưởng thừa kế có quyền thừa kế tài sản do người chết để lại, theo di chúc hoặc theo pháp luật. Mối liên hệ phụ thuộc giữa sở hữu và thừa kế, trong đó tài sản được coi là di sản thừa kế khi nó thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp của người để lại di sản.

-Được pháp luật quy định về thời điểm mở thừa kế và địa điểm mở thừa kế. Từ đây nhằm xác định đâu là di sản thừa kế để tiến hành phân chia di sản. Điểm này chứng tỏ sự khác biệt với các loại tài sản thông thường trong quan hệ giao dịch dân sự.

#### **1.4 Ý nghĩa những quy định trong pháp luật về di sản thừa kế:**

*Thứ nhất: Thể hiện sự tôn trọng quyền định đoạt của người để lại di sản:* Một trong những cách thức thể hiện quyền định đoạt tài sản của chủ thể mang quyền đối với tài sản đó đó là để lại di sản thừa kế. Pháp luật tôn trọng quyền định đoạt của người lập di chúc là tôn trọng quyền tự do ý chí của cá nhân, tôn trọng và bảo vệ quyền năng của một cá nhân đối với tài sản của họ. Xác định đúng khối di sản mà người chết để lại là bảo vệ được quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản của người này, đồng thời đảm bảo được quyền phân định tài sản dành cho thờ cúng, di tặng, cho người thừa kế. Xác định đúng khối tài sản mà người chết để lại còn đảm bảo cho nghĩa vụ tài sản của người để lại di sản được thực hiện thông qua người thừa kế hoặc người quản lý di sản, điều này đồng nghĩa với việc bảo đảm quyền lợi của các chủ thể mang quyền mà trước khi người chết để lại di sản tham gia với tư cách là người mang nghĩa vụ.

*Thứ hai: Bảo đảm quyền lợi của người thừa kế:*

Thông qua việc thừa kế di sản, những người được hưởng thừa kế trở thành chủ sở hữu đối với tài sản mà họ được thừa kế. Điều 245 BLDS năm 2005 quy định: “*Người thừa kế có quyền sở hữu đối với tài sản thừa kế*”. Xác định đúng di sản thừa kế mà người chết để lại là đảm bảo được quyền của người chết để lại di sản; bảo đảm và tôn trọng quyền định đoạt trong di chúc của người chết cũng như trong ý nguyện cuối cùng của họ là những tài sản đó phải được dịch chuyển sang cho những người thừa kế. Vì nếu di sản thừa kế chưa được xác định do bị tranh chấp, do bị người khác đang chiếm giữ hoặc di sản

còn đang ở nhiều nơi mà chưa thể xác định thành một khối thì vấn đề chia di sản thừa kế chưa được đặt ra, mà quyền của người thừa kế lại được yêu cầu mở thừa kế để phân chia di sản ngay sau khi người để lại di sản chết.

*Thứ ba: Bảo đảm quyền lợi cho các chủ thể khác có liên quan.*

Việc xác định di sản thừa kế không chỉ có ý nghĩa với người để lại di sản, người hưởng di sản mà nó còn bảo đảm quyền lợi cho những người khác có liên quan. Trong thực tế tài sản của một người có liên quan đến nhiều người khác. Khi họ qua đời thì việc xác định di sản thừa kế của người này không chính xác có thể sẽ xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác. Việc xác định di sản thừa kế không chính xác hoặc không đầy đủ thì người thừa kế ảnh hưởng về quyền lợi dẫn đến một hệ lụy tiếp theo là họ không có đủ điều kiện để thực hiện nghĩa vụ mà người để lại thừa kế có nghĩa vụ phải thực hiện với chủ thể mang quyền trong một quan hệ nghĩa vụ nào đó làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Việc di sản thừa kế được xác định tạo điều kiện cho các chủ thể thực hiện quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong các quan hệ thừa kế, quy định trình tự, điều kiện dịch chuyển tài sản cũng như quy định phương thức dịch chuyển tài sản của người đã chết cho người còn sống. Để các chủ thể tham gia vào quan hệ thừa kế thực hiện được quyền và nghĩa vụ của mình qua các bước của một quá trình nhất định thì việc làm đầu tiên có ý nghĩa và là cơ sở pháp lý tạo điều kiện cho việc thực hiện các bước tiếp theo là phải xác định di sản thừa kế.

*Thứ tư: Xác định đúng di sản thừa kế còn góp phần đảm bảo sự công bằng xã hội trong việc thực hiện pháp luật.*

Việc người thừa kế có được hưởng đúng phần di sản họ được hưởng hay không, các phần di sản dành cho người thừa kế không phụ

thuộc vào nội dung di chúc, phần dành cho di tặng, cho thờ cúng có được thực hiện đúng theo ý nguyện cuối cùng của người lập di chúc hay không phụ thuộc rất lớn vào việc xác định chính xác khối di sản của người chết để lại. Việc xác định di sản thừa kế là một việc làm quan trọng và cần thiết là căn cứ pháp lý để Tòa án bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Nếu di sản thừa kế được xác định đúng và người được hưởng di sản cũng được xác định chính xác thì Tòa án dễ dàng giải quyết đúng đắn các tranh chấp về thừa kế. Một khi các tranh chấp về thừa kế được giải quyết đúng đắn, quyền và lợi ích của các chủ thể trong quan hệ pháp luật thừa kế được đảm bảo thì sẽ tạo ra tâm lý yên tâm, tin tưởng vào sự điều chỉnh của các quy định pháp luật, vào đường lối chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước, đồng thời góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội trong công cuộc đổi mới kinh tế

## CHƯƠNG 2

### XÁC ĐỊNH DI SẢN THỪA KẾ

#### THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN NAY

### **2.1 Nguyên tắc chung trong việc xác định di sản thừa kế**

*2.1.1 Nguyên tắc xác định di sản thừa kế trên cơ sở quy định của pháp luật dân sự trong mối quan hệ với các ngành luật khác.*

Luật Dân sự là ngành luật điều chỉnh các nhóm quan hệ tài sản và nhóm quan hệ nhân thân phi tài sản mà không nằm ngoài sự liên kết, thống nhất với các ngành luật khác, đồng thời chịu sự ảnh hưởng, tác động qua lại lẫn nhau với các ngành luật khác. Do sự thống nhất, liên kết và ảnh hưởng lẫn nhau giữa các quy phạm pháp luật nên khi nghiên cứu một quy phạm phải đặt trong mối quan hệ biện chứng để xác định, phân tích một cách toàn diện, đồng bộ, phù hợp và thống nhất. Quan hệ pháp luật thừa kế và vấn đề di sản thừa kế là một trong những nội dung của pháp luật dân sự liên quan và chịu ảnh hưởng của nhiều ngành luật khác như: Luật Hiến pháp, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật đất đai... Một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình liên quan trực tiếp đến những quy định của BLDS và hầu hết các chế định. Luật Hôn nhân và gia đình có nhiều điều khoản được coi là quan trọng đối với những quy định của pháp luật về thừa kế, đặc biệt là trong việc xác định người thừa kế theo pháp luật và di sản thừa kế. Đó là những quy định về chế độ tài sản của vợ, chồng, về vấn đề cấp dưỡng, về vấn đề chia tài sản của vợ chồng khi hôn nhân vẫn còn tồn tại, chia tài sản khi một bên vợ, chồng chết trước. Như vậy không thể đặt quan hệ pháp luật thừa kế bên ngoài các ngành luật khác có liên quan.

*2.1.2 Nguyên tắc xác định di sản thừa kế vào thời điểm mở thừa kế*

Thừa kế là sự dịch chuyển tài sản của người chết sang cho những người còn sống, cho nên việc dịch chuyển di sản của người chết để lại di sản cho những người thừa kế dù theo di chúc hay theo pháp luật cũng chỉ

đặt ra tại thời điểm người có tài sản chết (thời điểm mở thừa kế). Quyền của người định đoạt tài sản thông qua lập di chúc và quyền của người thừa kế sẽ có giá trị pháp lý từ thời điểm mở thừa kế, việc nhận di sản thừa kế là căn cứ phát sinh quyền sở hữu đối với phần tài sản mà người này được hưởng và đồng thời họ phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại trong phạm vi di sản đối với các chủ thể mang quyền mà khi còn sống người để lại di sản có nghĩa vụ với những người này.

### *2.1.3 Nguyên tắc thanh toán di sản*

Thanh toán di sản thừa kế thực chất là thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại. Việc thanh toán di sản thừa kế dựa trên cơ sở chủ thể có nghĩa vụ thì buộc phải thực hiện nghĩa vụ. Quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể mang quyền được đảm bảo bằng việc thực hiện nghĩa vụ của các chủ thể mang nghĩa vụ trong giao lưu dân sự. Chỉ được coi là thanh toán di sản khi những nghĩa vụ về tài sản lẽ ra phải do chính bản thân người chết thực hiện nhưng vì những lý do nào đấy mà người này chưa thực hiện được hoặc đang thực hiện thì chết. Dựa vào nguyên tắc này ta có thể xác định được người thực hiện nghĩa vụ thanh toán, xác định được người được thanh toán, giới hạn thanh toán, thứ tự ưu tiên thanh toán.

## **2.2 Xác định di sản thừa kế**

### *2.2.1 Di sản là tài sản riêng của người chết*

Tài sản riêng của người chết được hiểu là phần tài sản mà về phương diện pháp lý không bị chi phối hay phải chịu một ràng buộc nào với các chủ thể khác trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản. Tài sản riêng của người chết được xác định khi người đó còn sống, có quyền sở hữu tài sản của mình một cách độc lập. Trong thời kỳ thực hiện đường lối đổi mới đất nước, Nhà nước luôn tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho việc phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Các chính sách kinh tế đổi mới đã tạo

cho đất nước ta một diện mạo mới. Những tài sản của cá nhân trong giai đoạn hiện nay càng được mở rộng về phạm vi, thành phần, giá trị. Theo đó di sản của cá nhân nhiều hay ít phụ thuộc vào khả năng chủ quan của người đó tạo ra và phụ thuộc vào những quy định của pháp luật và căn cứ xác lập quyền sở hữu cá nhân. Tài sản riêng của người để lại di sản thừa kế tạo điều 634 BLDS năm 2005 được đặt trong mối tương quan giữa tài sản của người vợ và chồng.

### *2.2.2 Di sản là phần tài sản của người chết trong khối tài sản chung với người khác.*

Tài sản của người chết trong khối tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất của vợ chồng: Để cuộc sống gia đình đảm bảo về mặt kinh tế, thì sau khi kết hôn mỗi bên vợ, chồng phải có ý thức việc tạo dựng một nền tảng kinh tế nhất định phụ thuộc vào từng điều kiện hoàn cảnh nhất định. Việc tạo dựng khối tài sản chung đó là một yêu cầu khách quan phù hợp với quy luật của cuộc sống. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 đã có những quy định cụ thể về căn cứ xác lập, nguồn gốc, thành phần các loại tài sản trong khối tài sản chung của vợ chồng, Điều 27 ghi nhận:

Những tài sản do vợ chồng tạo ra được trong thời kỳ hôn nhân đều thuộc sở hữu chung hợp nhất của vợ chồng, chế độ tài sản chung của vợ chồng được áp dụng trong suốt quá trình hôn nhân tồn tại (trừ những trường hợp khi họ có nhu cầu chia tài sản chung). Theo quy định tại điều 27 nói trên thì thu nhập của vợ chồng chủ yếu và ổn định là từ lao động, sản xuất kinh doanh biểu hiện dưới dạng tiền công, tiền lương lao động hoặc lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh, ngoài ra họ cũng có thể có tài sản từ những thu nhập hợp pháp khác.

### *2.1.3 Di sản thừa kế là các quyền tài sản của người chết để lại*

Ngoài ra các quyền như quyền nhận tiền công lao động, tiền nhuận bút, tiền trợ cấp xã hội, tiền đoạt giải các cuộc thi, tiền chi phí cho việc



thực hiện công việc không có ủy quyền... mà người chết khi còn sống đáng lẽ họ được nhận thì này họ chết, số tiền đó cũng được coi là di sản thừa kế mà những người thừa kế của họ được hưởng.

## **2.3 Di sản dùng vào việc thờ cúng và di tặng**

### *2.3.1 Di sản dùng vào việc thờ cúng*

Dưới góc độ đạo đức xã hội, phong tục tập quán của người Việt thì cơ sở để pháp luật về thừa kế quy định về di sản thờ cúng là sự biết ơn công lao sinh thành, nuôi dưỡng, là sự tưởng nhớ đến cha, mẹ, ông bà, tổ tiên, sự thành đạt của họ là kết quả tích lũy của những người đã chết. Vì thế người còn sống thể hiện lòng biết ơn, tôn kính qua việc chăm sóc phần mộ, thực hiện cúng giỗ theo phong tục, tín ngưỡng đối với người chết. Thực hiện công cúng giỗ này, phải dùng đến một khoản tiền nhất định để mua đồ lễ như vàng hương, hoa quả..., khoản này sẽ được trích từ khối di sản dùng vào việc thờ cúng mà người chết để lại cùng với hoa lợi thu được từ phần di sản này dùng vào việc thờ cúng, chăm sóc mồ mả và tu sửa nhà thờ.

### *2.3.2 Phần di sản dành cho di tặng*

Về hình thức di tặng giống như hợp đồng tặng cho vì tính không đền bù, nhưng về bản chất di tặng không phải là hợp đồng tặng cho vì hợp đồng tặng cho là sự thỏa thuận giữa người được tặng cho và người tặng cho. Chủ thể tặng cho và chủ thể được tặng cho đều phải còn sống và thể hiện ý chí cho nhận tài sản. Còn di tặng thì chỉ phát sinh từ cơ sở định đoạt của người có di sản lập di chúc và người được chỉ định nhận di tặng khi người để lại di tặng chết. Người được di tặng chỉ có thể là

## **2.4 Xác định thừa kế trong một số trường hợp cụ thể**

### *2.4.1 Xác định di sản thừa kế là quyền sử dụng đất*

Từ yêu cầu thực tế khách quan đòi hỏi phải có các quy định của pháp luật làm cơ sở cho việc xác định căn cứ xác lập quyền sử dụng đất của các

tổ chức, hộ gia đình và cá nhân. Luật đất đai năm 2013 và BLDS năm 2005 trước đây đã quy định những căn cứ xác lập quyền sử dụng đất như: được nhà nước giao đất, được nhà nước cho thuê đất, được người khác chuyển quyền sử dụng đất phù hợp với những quy định của BLDS và pháp luật đất đai. Như vậy thì người có quyền sử dụng đất được coi là sở hữu hợp pháp dựa trên các căn cứ nói trên.

#### *2.4.2 Xác định di sản thừa kế là quyền sở hữu trí tuệ:*

Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản hướng dẫn thi hành đều quy định các tác giả, chủ sở hữu các quyền tác giả đối với các tác phẩm văn học nghệ thuật, khoa học có quyền để lại di sản thừa kế là quyền tác giả, chủ sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp có quyền để lại thừa kế quyền sở hữu công nghiệp. Theo điều 163 BLDS năm 2005, quyền tài sản của tác giả, của chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm được xác định là một loại tài sản, vì tồn tại dưới dạng quyền nên khi họ chết, quyền này cũng là một di sản thừa kế và được dịch chuyển cho người thừa kế của tác giả, của chủ sở hữu các quyền tác giả đó theo quy định của pháp luật về thừa kế, theo đó tác giả đồng thời là chủ sở hữu các quyền tác giả có quyền lập di chúc để định đoạt quyền tác giả của mình cho người khác. Các quyền đối với tác phẩm của tác giả đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả được chuyển dịch cho người thừa kế bao gồm quyền nhân thân có thể chuyển dịch (quyền công bố tác phẩm hoặc cho người khác sử dụng tác phẩm) và tất cả các quyền về tài sản.

*2.4.3 Xác định di sản thừa kế đối với trường hợp có quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án tuyên bố vợ, chồng đã chết mà nay họ trở về.*

Điều 81 BLDS năm 2005 và Điều 26 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đã quy định, trong trường hợp có quyết định của Tòa án tuyên bố người vợ, chồng chết đã có hiệu lực pháp luật mà sau đó họ lại trở về thì quan hệ hôn nhân của họ đương nhiên được khôi phục kể từ thời điểm Tòa

án ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyên bố chết, nếu người chồng, vợ kia chưa kết hôn với người khác. Về tài sản, nếu đã chia di sản thừa kế của người đó thì theo yêu cầu của người đó, những người đã được chia di sản thừa kế phải trả lại cho họ những tài sản hiện còn. Trong quan hệ pháp luật này có một vấn đề cần đặt ra bàn luận đó là trong trường hợp những tài sản người vợ, chồng tạo ra hoặc có được trong khoảng thời gian có quyết định có hiệu lực của Tòa án tuyên bố vợ, chồng đã chết sẽ được xác định như thế nào khi quan hệ hôn nhân được khôi phục.

#### **2.4.4 Xác định di sản thừa kế liên quan đến phần tài sản mà người chết đã tặng cho người khác khi còn sống.**

Nếu hợp đồng tặng cho tài sản có hiệu lực pháp luật thì quyền sở hữu đối với tài sản của người tặng cho sẽ được chuyển sang cho người được tặng cho, vì thế khi người tặng cho chết thì những tài sản này không được tính vào khối di sản thừa kế. Tuy nhiên trong thực tế có những trường hợp khi còn sống bố mẹ thường tặng cho con cái các tài sản của mình, nhưng khi họ chết đi thì những tài sản này là đối tượng tranh chấp giữa những người thừa kế

#### **2.4.5 Xác định di sản thừa kế trong trường hợp một người bị Tòa án tuyên bố là đã chết**

Quyết định của Tòa án tuyên bố một người đã chết có hiệu lực pháp luật sẽ để lại nhiều hậu quả pháp lý, một trong số đó là việc tài sản của người đó được chia thừa kế theo pháp luật về thừa kế. Tuy nhiên trên thực tế có những trường hợp một người đã bị Tòa án tuyên bố là đã chết nay lại trở về thì ngay lập tức Tòa án sẽ phải ra Quyết định hủy bỏ Quyết định tuyên bố người đó là đã chết. Người trở về đó ngoài việc được khôi phục tất cả các quyền của một công dân, họ còn được nhận lại tài sản của mình do người khác đang quản lý trao lại và trong trường hợp các tài sản này được phân chia theo pháp luật thừa kế thì người này được quyền đòi những người thừa kế đã được chia tài sản của mình trả lại những tài sản hiện còn, về vấn đề này cũng có những ý kiến khác nhau.

## CHƯƠNG 3

### PHÂN CHIA DI SẢN THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN NAY

#### 3.1 Hợp mặt những người thừa kế:

Trước khi phân chia di sản những người thừa kế cần họp mặt để cùng nhau bàn bạc và thống nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến việc quản lý di sản cũng như việc phân chia di sản với mục đích để tăng cường sự đoàn kết, nhất trí giữa những người thừa kế.

#### 3.2 Người phân chia di sản

Theo quy định của điều luật trên thì người phân chia di sản là người: Người được người để lại di sản chỉ định trong di chúc hoặc do những người thừa kế thỏa thuận cử ra. Trong thực tế người để lại di sản thường sẽ chỉ định một trong những người thừa kế làm người phân chia di sản, nhưng cũng có thể chỉ định một người khác có uy tín mà không phải là những người thừa kế, đồng thời những người thừa kế cũng có thể thỏa thuận cử một người bất kỳ nào đó đứng ra để phân chia di chúc, pháp luật không yêu cầu bắt buộc người phân chia di sản phải là người thừa kế. Vì vậy người phân chia di sản có thể là một trong số những người thừa kế hoặc cũng có thể là không.

#### 3.3 Thanh toán di sản

Việc thanh toán di sản thừa kế đối với nghĩa vụ tài sản dựa trên cơ sở chủ thể có nghĩa vụ thì buộc phải thực hiện nghĩa vụ. Quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể mang quyền được đảm bảo bằng việc thực hiện nghĩa vụ của chủ thể mang nghĩa vụ trong giao dịch dân sự. Bản chất của việc thanh toán di sản thừa kế là việc một người khác thay người đã chết bằng chính tài sản của người đó để lại, thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết đối với các chủ nợ, đồng thời trích một phần tài sản của người chết để lại bù vào các chi phí phát sinh từ việc mai táng cũng như chi phí quản lý di sản và phân chia di sản. Chỉ được coi là thanh toán di sản khi

những nghĩa vụ về tài sản lẽ ra khi còn sống phải do chính bản thân người chết thực hiện nhưng người này chưa kịp thực hiện hoặc đang thực hiện thì chết cùng với chi phí mai táng cho người để lại di sản và các chi phí khác liên quan

### **3.4 Phân chia di sản**

#### *3.4.1 Phân chia di sản theo di chúc*

Pháp luật luôn tôn trọng ý chí của người để lại di sản nên nếu họ có để lại di chúc hợp pháp và trong đó đã xác định cách phân chia di sản, phần di sản mà mỗi người thừa kế được nhận thì di sản phải được phân chia theo đúng ý định mà người để lại di sản đã xác định trong di chúc. Tuy nhiên có nhiều trường hợp, người lập di chúc đã định đoạt tài sản phạm vào kỷ phân luật định đối với người thừa kế được xác định theo Điều 669 BLDS năm 2005 thì khi chia di sản theo di chúc không tuyệt đối theo sự định đoạt của người lập di chúc mà phải chú ý và đảm bảo quyền lợi của những người được thừa kế theo điều luật nói trên.

#### *3.4.2 Phân chia di sản theo pháp luật*

Phân chia di sản theo pháp luật là phân chia di sản cho những người thừa kế trong hàng được hưởng và người thừa kế theo pháp luật được hưởng phần di sản ngang nhau không phân biệt giới tính độ tuổi, có năng lực hành vi dân sự hay không có năng lực hành vi dân sự. Điều 685 BLDS năm 2005 quy định:

### **3.5 Phương thức phân chia di sản thừa kế**

Di sản được phân chia theo di chúc hay phân chia theo pháp luật cũng được áp dụng một hoặc cả hai phương thức sau đây:

#### *3.5.1 Phương thức phân chia theo hiện vật*

Phương thức này dùng tài sản là hiện vật tồn tại hiện hữu để chia cho những người thừa kế, họ sẽ trở thành chủ sở hữu đối với phần di sản được chia. Đây là phương thức được áp dụng khi tài sản được định đoạt trong di

chức và người lập di chúc đã chỉ định một cách cụ thể người được nhận hiện vật hoặc những người thừa kế đã thỏa thuận được với nhau hoặc được Tòa án chỉ định nhận hiện vật. Trong trường hợp những người thừa kế được chia cùng một hiện vật mà hiện vật là vật chia được thì di sản cũng được chia trực tiếp bằng hiện vật, đối với hoa lợi, lợi tức phát sinh từ hiện vật thuộc về người được phân chia hiện vật đó hoặc phải gánh chịu giá trị giảm sút tính đến thời điểm phân chia di sản mà không được yêu cầu những người thừa kế khác bù đắp phần giá trị giảm sút đó. Nhưng người thừa kế nhận hiện vật bị tiêu hủy do lỗi của người khác thì nhận hiện vật đó có quyền yêu cầu

### *3.5.2 Phương thức phân chia theo giá trị*

Chia theo giá trị là định giá hiện vật thành tiền để chia, theo phương thức này người thừa kế không nhận vật mà nhận một khoản tiền tương ứng theo tỷ lệ mà mình được hưởng tính trên tổng giá trị khối di sản mà người chết để lại. Trên cơ sở do các bên thỏa thuận hoặc do Tòa án định giá thì hiện vật được ưu tiên chia cho những người đang trực tiếp quản lý, sử dụng hay khai thác hoặc quản lý để sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Khi đó những người nhận hiện vật có nghĩa vụ hoàn lại cho những người thừa kế khác một số tiền tương ứng với phần mà người đó được hưởng trong tổng khối di sản được đem chia.

## **3.6 Hạn chế phân chia di sản**

Việc chia thừa kế được thực hiện kể từ khi xác định được khối di sản của người chết hiện vẫn còn để chia và có người hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật. Tuy nhiên khi đã xác định được các yếu tố trong quan hệ pháp luật thừa kế là chủ thể có quyền hưởng thừa kế, di sản còn để chia thừa kế và người thừa kế không từ chối quyền hưởng nhưng việc chia di sản chưa được thực hiện vì các lý do theo quy định tại 686 BLDS năm 2005

### **3.7 Phân chia di sản trong trường hợp có người thừa kế mới hoặc có người thừa kế bị bác bỏ quyền thừa kế**

Việc phân chia di sản nhằm bảo vệ quyền thừa kế của những người có quyền thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật nhưng không phải bao giờ việc phân chia di sản cũng thuận lợi vì có thể có rất nhiều sự kiện phát sinh sau khi di sản đã được chia cần được giải quyết theo quy định của pháp luật.

#### *3.7.1 Phân chia di sản trong trường hợp có người thừa kế mới*

Khoản 1 Điều 678 BLDS năm 2005 quy định về phân chia di sản trong trường hợp có người thừa kế mới như sau: *“Trong trường hợp đã phân chia di sản mà xuất hiện người thừa kế mới thì không thực hiện việc phân chia di sản bằng hiện vật, nhưng những người thừa kế đã nhận di sản phải thanh toán cho người thừa kế mới một khoản tiền tương ứng với phần di sản của người đó tại thời điểm chia thừa kế theo tỷ lệ tương ứng với phần di sản đã nhận, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”*

#### *3.7.2 Phân chia di sản trong trường hợp có người thừa kế bị bác bỏ quyền thừa kế.*

Người thừa kế bị bác bỏ quyền thừa kế được hiểu là người đã được chia di sản của người chết để lại nhưng họ lại là người không được quyền hưởng di sản theo khoản 1 Điều 643 BLDS năm 2005:

Khi di sản đã được phân chia mà xác định có người thừa kế bị bác bỏ quyền thừa kế thì người đó phải trả lại di sản hoặc phải thanh toán một khoản tiền tương đương với giá trị di sản được hưởng tại thời điểm chia thừa kế cho những người thừa kế được hưởng di sản, trừ trường hợp họ có thỏa thuận khác. Người thừa kế bị bác bỏ quyền thừa kế thường xảy ra trong các trường hợp sau:

## KẾT LUẬN

Quyền thừa kế là một trong những quyền cơ bản của công dân được ghi nhận trong Hiến pháp và được cụ thể hóa trong BLDS. Việc xác định di sản, phân chia di sản thừa kế là một trong những yếu tố pháp lý quan trọng, không chỉ ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của những người được hưởng di sản thừa kế mà nó còn ảnh hưởng đến quyền của những cá nhân khác có liên quan. Tuy nhiên trong thực tế còn có những khó khăn vướng mắc trong việc xác định và phân chia di sản thừa kế mà nguyên nhân cơ bản phải kể đến đó là: Một số quy định của pháp luật chưa rõ ràng, thiếu tính cụ thể, việc giải thích hướng dẫn của các cơ quan nhà nước chưa đầy đủ, kịp thời, hoặc do trình độ hiểu biết pháp luật của nhân dân còn hạn chế, không biết quyền và nghĩa vụ của mình như thế nào. Nhận thức được những thiếu sót nói trên, tác giả của đề tài này trên cơ sở phân tích cơ sở lý luận của việc xác định di sản thừa kế, các quy định của pháp luật hiện hành để có cách nhìn chính xác và đầy đủ về việc xác định di sản, cách phân chia di sản thừa kế, thông qua đề tài tác giả đã:

Tiếp cận khái niệm di sản thừa kế dưới các góc độ khác nhau, thông qua việc phân tích các quan điểm khác nhau về di sản thừa kế để đưa ra một khái niệm thừa kế chung nhất.

Thông qua việc tìm hiểu về sự phát triển của các hình thái kinh tế xã hội để từ đó thấy được sự thay đổi và phát triển của di sản thừa kế qua các thời kỳ.

Phân tích các quy định pháp luật Việt nam về việc xác định di sản thừa kế, xác định di sản thừa kế trong một số trường hợp cụ thể để rút ra những bất cập của pháp luật về vấn đề xác định di sản thừa kế.

Phân tích các quy định của pháp luật Việt nam về cách thức phân chia di sản thừa kế như: họp mặt những người thừa kế, cử người phân chia di sản thừa kế, phân chia di sản thừa kế trong một số trường hợp đặc biệt.